

Bản án số: 45/2017/HSPT
Ngày 20 tháng 7 năm 2017

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH PHÚC

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Sơn.

Các Thẩm phán: Ông Phạm Quang Hùng và ông Trần Văn Thái.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Trần Thị Ánh Tuyết, Cán bộ Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa: ông Nguyễn Văn Nhâm, Kiểm sát viên

Ngày 20 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 08/2017/HSPT ngày 23 tháng 01 năm 2017 đối với bị cáo Nguyễn Văn T và đồng phạm do có kháng cáo của bị cáo, người đại diện hợp pháp cho bị cáo, người bào chữa cho bị cáo và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 84/2016/HSST ngày 28 tháng 12 năm 2016 của Tòa án nhân dân thị xã P Y.

Các bị cáo có kháng cáo và kháng nghị:

1. Họ và tên: Nguyễn Văn T, sinh ngày 13/11/1999; Trú tại: Tổ B A, phường Đ X, thị xã P Y, tỉnh Vĩnh Phúc; Trình độ văn hóa: Lớp 7/12; Nghề nghiệp: không; con ông Nguyễn Văn A, sinh năm 1974 và con bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1976, bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 09/01/2016 đến nay, (có mặt).

2. Họ và tên: Nguyễn Hữu Th, sinh ngày 05/12/1999; Trú tại: Thôn Đ C, xã N T, thị xã P Y, tỉnh Vĩnh Phúc; Trình độ văn hóa: Lớp 7/12; Nghề nghiệp: không; con ông Nguyễn Hữu S, sinh năm 1964 và con bà Nguyễn Thị Tr, sinh năm 1967, bị cáo chưa có vợ, con. Tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 09/01/2016 đến nay, (có mặt).

Người đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Văn T: Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1976 và ông Nguyễn Văn A, sinh năm 1974; Điều trú tại: Tổ B A, phường Đ X, thị xã P Y, tỉnh Vĩnh Phúc. (là bố, mẹ của bị cáo có mặt).

Người đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Hữu Th có kháng cáo: Ông Nguyễn Hữu S, sinh năm 1964 và bà Nguyễn Thị Tr, sinh năm 1967; Điều trú tại: Thôn Đ C, xã N T, thị xã P Y, tỉnh Vĩnh Phúc. (là bố, mẹ của bị cáo có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn T: Ông Vũ Quốc H, là Luật sư Văn phòng Luật sư B Vĩnh Phúc - Đoàn Luật sư tỉnh Vĩnh Phúc (có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Hữu Th: Ông Nguyễn Văn C, là Luật sư Công ty luật TNHH MTV T H - Đoàn luật sư tỉnh Vĩnh Phúc (có mặt).

Người bị hại: Anh Lại Văn M, sinh năm 1997; Trú tại: Thôn Đ C, xã N T, thị xã P Y, tỉnh Vĩnh Phúc. (có mặt)

Các bị cáo không có kháng cáo được Tòa án triệu tập bao gồm:

1. Nguyễn Thị Mai H, sinh ngày 16/8/1996; trú tại: khu phố 1, thị trấn H C, huyện B X, tỉnh Vĩnh Phúc. (vắng mặt)

4. Dương Thị MI, sinh ngày 29/3/1999; Trú tại: Thôn T T, xã M P, huyện S S, thành phố Hà Nội; (vắng mặt)

Quyết định kháng nghị số 21/QĐ-VKS ngày 11/01/2017 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã P Y.

NHẬN THẤY:

Theo cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thị xã P Y và bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân thị xã P Y thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do thiếu tiền tiêu sài, khoảng 18 giờ 30 ngày 06/01/2016 tại phòng trọ của của gia đình bà Phí Thị N ở tổ 3, phường X H, thị xã P Y, tỉnh Vĩnh Phúc, Nguyễn Văn T đã rủ thì được Nguyễn Hữu Th đồng ý cùng nhau đi cướp tiền của những đôi trai gái ngồi tâm sự với nhau ở khu vực núi Thần Lăn thuộc địa phận phường Đ X, thị xã P Y. Khi T rủ Th đi cướp tiền thì Nguyễn Thị Mai H và Dương Thị MI đều nghe rõ nội dung T rủ Th đi cướp tiền. T lấy 01 con dao bầu loại dao có 01 đầu nhọn chuôi gỗ, rồi lấy 01 chiếc áo khoác màu xanh rêu của Tời bọc ngoài dao bầu, Th lấy 01 con dao quắm bằng kim loại sắt để đi cướp tiền. T và Th đi bộ đến khu vực Dự án nhà sinh thái Vinaconex, núi Thần Lăn thuộc địa phận phường Đ X, thị xã P Y tìm các đôi nam nữ để cướp tiền. Trước khi đi và trên đường đi cướp T bàn bạc với Th là T trực tiếp cướp, còn Th đứng ngoài canh gác, nếu T bị đánh thì Th lao vào giải cứu. Khi đi đến núi Thần Lăn tìm một lúc không thấy đôi nam nữ nào, T đi bộ xuống nhà gia đình anh K để xin nước uống, còn Th vẫn ở trên núi Thần Lăn tìm các đôi nam nữ để cướp tiền. Tại nhà anh K, T có gặp Trần Mạnh F sinh ngày 16/01/2002, sau khi uống nước xong, F rủ và được T đồng ý lên núi Thần Lăn hút thuốc lá, trong lúc ngồi hút thuốc T rủ thì được F đồng ý đi cướp tiền của các đôi nam nữ.

Khoảng 20 giờ 30 phút ngày 06/01/2016 T và F phát hiện thấy anh Lại Văn M đi xe mô tô chở chị Nguyễn Thị Th đi lên đồi Thần Lăn ngồi tâm sự. T bảo và được F đồng ý đứng cách chỗ anh M, chị Th khoảng 05 đến 06m để canh gác và cảnh giới. Sau đó T đi đến bảo thì được Th đồng ý đứng cách anh M, chị Th khoảng 10 đến 12m canh gác cho T cướp. Sau khi phân công người canh gác xong T đeo khẩu trang vào mặt rồi cầm dao bầu đi đến chỗ anh M, chị Th đang ngồi tâm sự trên yên xe mô tô, T dơ dao bầu ra trước mặt anh M đe dọa và nói “Anh

chị cho em xin ít tiền”, anh M nói không có tiền, ngay lập tức T hỏi tiếp “em có ví không”, anh M nói “em không có” thì chị Th lấy 01 chiếc điện thoại di động (ĐTDĐ) nhãn hiệu Nokia của mình đưa cho T nhưng T không lấy. Tới tiền sát anh M, tay phải cầm dao bầu dí vào lưng anh M còn tay trái lục soát túi quần sau bên phải của anh M lấy ra 01 chiếc ví giả da màu đen. T mở ví rồi lấy số tiền có trong ví là 430.000đ (gồm 04 tờ tiền polime mệnh giá 100.000đ, 01 tờ mệnh giá 20.000đ và 01 tờ mệnh giá 10.000đ) rồi trả lại ví cho anh M. Sau khi thấy anh M và chị Th bỏ đi, Th biết T đã chiếm đoạt được tiền nên đi về phòng trọ trước, T đi đến gặp và đưa cho F 10.000đ. Trên đường đi về phòng trọ T mua thuốc, nước ngọt hết 20.000đ. Khi về đến phòng trọ T đưa cho Th 400.000đ. Lúc T đưa tiền cho Th có mặt H, MI ở đó và biết rõ tiền đó là T, Th vừa đi cướp được. Cùng lúc đó Đinh Thế I, sinh ngày 22/9/2001 ở phường Đ X, thị xã P Y đi xe Taxi đến phòng trọ của Th để chơi nên cũng biết số tiền 400.000đ nêu trên do T và Th phạm tội mà có. Toàn bộ số tiền cướp được T, Th đã chi ăn uống, đi lại cho T, Th, H, DI và I hết.

Vật chứng vụ án đã thu giữ:

Ngày 07/01/2016 Nguyễn Văn T và Nguyễn Hữu Th đã đưa Cơ quan điều tra đến nơi thuê trọ của Th và thu giữ vật chứng gồm: 01 con dao bầu màu đen dài 32cm, chuôi gỗ, giữa rộng 6,5cm; 01 con dao quắm có lưỡi hình cung; 01 chiếc áo khoác màu xanh rêu đã qua sử dụng, áo bị rách.

Ngày 07/01/2016 Cơ quan điều tra thu giữ của Trần Mạnh F 01 tờ tiền polime mệnh giá 10.000đ (là tiền T cho F sau khi cướp được).

Đối với chiếc khẩu trang do T sử dụng để đeo che mặt khi đi cướp tiền, trên đường đi về phòng trọ T đã đánh rơi mất, nên không thu hồi được.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số: 84/2016/HSST ngày 28/12/2016 của Tòa án nhân dân thị xã P Y đã Quyết định:

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn T và Nguyễn Hữu Th phạm tội “Cướp tài sản”.

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 133, điểm b, g, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 47, Điều 20, Điều 53, Điều 69 và khoản 1 Điều 74 của Bộ luật hình sự năm 1999. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 04 năm 06 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam ngày 09/01/2016.

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 133, điểm g, h khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 47, Điều 20, Điều 53, Điều 69 và khoản 1 Điều 74 của Bộ luật hình sự năm 1999 và khoản 2 Điều 54 của Bộ luật hình sự năm 2015; Xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu Th 02 năm 06 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam là ngày 09/01/2016.

Ngoài ra Tòa án cấp sơ thẩm còn xử phạt đối với các bị cáo Nguyễn Thị Mai H và Dương Thị MI về tội "Không tố giác tội phạm"; quyết định về xử lý vật chứng; về án phí và tuyên quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 05/01/2017 bà Nguyễn Thị Tr là người đại diện hợp pháp cho bị cáo Nguyễn Hữu Th có đơn kháng cáo với nội dung đề nghị

hủy bản án và tuyên bị cáo không phạm tội; ngày 06/01/2017 bà Nguyễn Thị Đ là người đại diện hợp pháp cho bị cáo Nguyễn Văn T có đơn kháng cáo với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; ngày 09/01/2017 ông Nguyễn Văn C là Luật sư bào chữa cho bị cáo Nguyễn Hữu Th có đơn kháng cáo nội dung đề nghị tuyên bố bị cáo không phạm tội; ngày 10/01/2017 bị cáo Nguyễn Hữu Th có đơn kháng cáo đề nghị tuyên bố bị cáo không phạm tội; ngày 11/01/2017 Viện kiểm sát nhân dân thị xã P Y kháng nghị phúc thẩm với nội dung không áp dụng điểm h khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự và tăng hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Hữu Th.

Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của người đại diện hợp pháp cho bị cáo Nguyễn Văn T; bị cáo Nguyễn Hữu Th, người đại diện hợp pháp cho bị cáo và người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Hữu Th; Chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thị xã P Y, sửa bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân thị xã P Y xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu Th mức hình phạt từ 04 năm đến 04 năm 06 tháng tù.

Người đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Văn T vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo đề nghị xem xét về thủ tục tố tụng và giảm hình phạt cho bị cáo Nguyễn Văn T vì có tình tiết mới, đó là: Sau khi xảy ra sự việc gia đình bị cáo gọi điện thông báo Công an thị xã P Y đến bắt giữ bị cáo nên được coi là tự thú và tại phiên tòa phúc thẩm nộp thêm tài liệu thể hiện ông Ngoại bị cáo là người có công được Nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến. Những tình tiết giảm nhẹ này Tòa án cấp sơ thẩm chưa áp dụng, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm áp dụng làm căn cứ giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị cáo và Luật sư bào chữa cho bị cáo Nguyễn Hữu Th vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo đề nghị hủy bản án sơ thẩm, tuyên bố bị cáo không phạm tội với các lý do: Quá trình điều tra có sự vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng như người bị hại Lại Văn M không đến Công an thị xã P Y trình báo bị cướp tài sản mà trong hồ sơ vụ án thể hiện việc này; Cơ quan điều tra không tiến hành thực nghiệm điều tra để cho các bị cáo Nguyễn Văn T và Nguyễn Hữu Th diễn lại xem có phù hợp hay không; Trong hồ sơ vụ án có sự không thống nhất về mốc thời gian, có sự mâu thuẫn trong lời khai của các bị cáo, người bị hại, người làm chứng....; Thực tế bị cáo Nguyễn Hữu Th bị bắt giữ ngày 07/01/2016, trong hồ sơ thể hiện ngày 09/01/2016 là không đúng; Đề nghị triệu tập thêm nhiều người làm chứng mới đến phiên tòa để xác định có hay không việc Th cùng T đi cướp tài sản vào tối ngày 06/01/2016; Không đồng ý với kết quả giám định chữ viết, chữ ký của người đại diện hợp pháp cho bị cáo Nguyễn Hữu Th của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Vĩnh Phúc và đề nghị giám định tại cơ quan giám định Bộ Quốc Phòng.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện

tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

XÉT THẤY

Về hình thức đơn kháng cáo của bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị cáo, người bào chữa cho bị cáo và quyết định kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thị xã P Y trong thời hạn luật định, hợp lệ được Hội đồng xét xử xem xét, giải quyết.

Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, phiên tòa phúc thẩm bị cáo Nguyễn Văn T đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung Bản án mà Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử; Đối với bị cáo Nguyễn Hữu Th quá trình điều tra các lời khai và bản kiểm điểm trong các ngày 08, 09 tháng 01/2016 Th thừa nhận hành vi phạm tội của mình, lời nhận tội của bị cáo Th phù hợp với lời khai của các bị cáo T, H, MI và những tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án như biên bản đối chất do cơ quan điều tra lập giữa bị cáo Nguyễn Hữu Th với các bị cáo T, MI và H. Lời khai nhận tội của các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Hữu Th về việc bàn bạc rồi sau đó cùng nhau đi cướp tài sản có chữ ký của bà Nguyễn Thị Tr là người đại diện hợp pháp của bị cáo Th, có chữ ký của bà Nguyễn Thị Đ là người đại diện hợp pháp của bị cáo T và các Luật sư bào chữa cho các bị cáo chứng kiến, ký xác nhận nội dung. Tuy nhiên kể từ ngày 06/5/2016 cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, phiên tòa phúc thẩm bị cáo Nguyễn Hữu Th không thừa nhận hành vi cùng Nguyễn Văn T đi cướp tài sản và lý giải cho việc nhận tội trong quá trình điều tra là do bị Điều tra viên dùng nhục hình, bức cung nhưng không đưa ra tài liệu, chứng cứ chứng minh. Các bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Thị Mai H và Dương Thị MI quá trình điều tra đã khai nhận rõ việc cùng với Nguyễn Hữu Th thực hiện hành vi cướp tài sản. Càng về sau các bị cáo đều có sự thay đổi lời khai là Nguyễn Hữu Th ở lại phòng trọ mà không cùng với Nguyễn Văn T thực hiện hành vi cướp tài sản. Tuy nhiên căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được cơ quan điều tra thu thập khách quan, đúng pháp luật như: Lời khai của chính bị cáo Nguyễn Hữu Th, lời khai của các đồng phạm khác trong vụ án; lời khai của người bị hại; lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan; lời khai của người làm chứng; các biên bản thu giữ vật chứng và những tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án được thu thập khách quan, đúng pháp luật. Từ đó có đủ cơ sở để xác định: Do thiếu tiền tiêu sài cá nhân nên vào khoảng 18 giờ 30 phút ngày 06/01/2016 Nguyễn Văn T đã rủ thì được Nguyễn Hữu Th đồng ý đi cướp tiền của những đôi trai gái ngồi tâm sự ở khu vực núi Thần Lăn thuộc địa phận phường Đ X, thị xã P Y. Trong lúc Nguyễn Văn T rủ Nguyễn Hữu Th đi cướp tài sản thì Nguyễn Thị Mai H, Dương Thị MI đều có mặt ở đó và đều nghe rõ nội dung trao đổi giữa T với Th. Trước khi đi cướp tài sản T mang theo dao bầu, Th mang theo dao quắm bằng kim loại. Vào khoảng 20 giờ 30 phút cùng ngày, tại khu vực Dự án nhà sinh thái Vinaconex, núi Thần Lăn thuộc địa phận

phường Đ X, thị xã P Y Nguyễn Văn T và Nguyễn Hữu Th đã dùng dao đe dọa để chiếm đoạt của anh Lại Văn M số tiền 430.000đ. Sau khi chiếm đoạt được tiền thì Nguyễn Văn T cùng với Nguyễn Hữu Th, Nguyễn Thị Mai H và Dương Thị MI cùng nhau tiêu sài cá nhân hết.

Căn cứ vào lời khai của các bị cáo tại phiên tòa cùng tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thấy rằng: Khi thực hiện hành vi phạm tội, các bị cáo Nguyễn Văn T và Nguyễn Hữu Th đã sử dụng dao bầu, dao quắm là vật có tính sát thương cao, có thể gây nguy hiểm đến tính mạng, sức khỏe của người bị hại được pháp luật quy định là "Sử dụng vũ khí, phương tiện hoặc thủ đoạn nguy hiểm". Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ vào tính chất, mức độ thực hiện tội phạm, hậu quả do hành vi phạm tội gây ra và hung khí sử dụng vào việc thực hiện tội phạm để xét xử các bị cáo Nguyễn Văn T và Nguyễn Hữu Th về tội "Cướp tài sản" theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 133 Bộ luật Hình sự năm 1999 là đúng người, đúng tội, có căn cứ pháp luật, không oan sai.

Tại phiên tòa phúc thẩm bà Nguyễn Thị Đ là người đại diện hợp pháp cho bị cáo Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị Tr là người đại diện hợp pháp cho bị cáo Nguyễn Hữu Th không thừa nhận chữ viết, chữ ký trong các biên bản hỏi cung, bản kiểm điểm do Cơ quan điều tra công an thị xã P Y lập có nội dung xác định T rủ Th rồi cùng nhau đi cướp tài sản và đề nghị giám định. Do vậy Hội đồng xét xử phúc thẩm hoãn phiên tòa để trung cầu giám định theo yêu cầu của Luật sư bào chữa cho bị cáo và người đại diện hợp pháp cho bị cáo dùng làm căn cứ xác định hành vi của các bị cáo. Tại Kết luận giám định số: 658/KLGD ngày 14 tháng 7 năm 2017 của phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Vĩnh Phúc đã xác định: Chữ viết, chữ ký trong các tài liệu do Cơ quan điều tra Công an thị xã P Y thu thập có nội dung thể hiện T rủ và cùng Th đi cướp tài sản là của bà Nguyễn Thị Đ và bà Nguyễn Thị Tr.

Xét về yêu cầu kháng cáo kêu oan của bị cáo, người đại diện hợp pháp cho bị cáo và người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Hữu Th; Hội đồng xét xử thấy rằng: Căn cứ vào lời khai ban đầu của Nguyễn Hữu Th tại cơ quan điều tra phù hợp với lời khai của người bị hại; phù hợp với lời khai của bị cáo Nguyễn Văn T; phù hợp với lời khai của các bị cáo Nguyễn Thị Mai H và Dương Thị MI cùng những tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án được cơ quan điều tra thu thập khách quan, đúng pháp luật. Từ đó có đủ căn cứ xác định: Sau khi được T rủ đi cướp tài sản của những đôi nam, nữ ngồi tâm sự thì Th đồng ý rồi lấy dao quắm cùng T đi cướp tài sản. Khi Nguyễn Văn T phát hiện thấy anh Lại Văn M và chị Nguyễn Thị Th đang ngồi tâm sự tại khu vực đồi Thần Lăn, phường Đ X, thị xã P Y thì T cầm dao trực tiếp đe dọa, uy hiếp để chiếm đoạt số tiền 430.000đ của anh M, còn Th đứng ngoài cảnh giới. Mặc dù về sau và tại phiên tòa các bị cáo Nguyễn Văn T, Dương Thị MI, Nguyễn Thị Mai H và bị cáo Nguyễn Hữu Th cùng với người đại diện hợp pháp của bị cáo Th có thay đổi lời khai cho rằng: Nguyễn Văn T thực

hiện hành vi cướp tài sản độc lập, không rủ Th và khi T thực hiện hành vi cướp tài sản của anh M không có Th ở đó. Tuy nhiên những nội dung thay đổi của bị cáo Nguyễn Văn T, Nguyễn Hữu Th, Dương Thị MI, Nguyễn Thị Mai H và của người đại diện hợp pháp cho bị cáo là bà Nguyễn Thị Tr là có sự mâu thuẫn và không phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, không phù hợp với lời khai của những người làm chứng do chính Luật sư bào chữa cho bị cáo đề nghị triệu tập khai rõ tại phiên tòa phúc thẩm. Việc thay đổi lời khai của các bị cáo Dương Thị MI và Nguyễn Thị Mai H đã được làm rõ trong quá trình điều tra bổ sung thì MI và H đã khai rõ việc T rủ Th đi cướp tài sản để mang về cùng chi tiêu cá nhân. Do vậy đề nghị của bị cáo Nguyễn Hữu Th, người đại diện hợp pháp cho bị cáo và Luật sư bào chữa cho bị cáo không được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận.

Xét yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của người đại diện hợp pháp cho bị cáo Nguyễn Văn T; Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng: Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến sức khỏe, quyền sở hữu tài sản của người khác và trật tự an toàn công cộng được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an tại địa phương vì vậy cần xử phạt nghiêm nhằm mục đích giáo dục riêng và phòng ngừa chung, phục vụ tốt nhiệm vụ giữ vững an ninh chính trị tại địa phương. Khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã cân nhắc, đánh giá đầy đủ tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân cũng như vai trò, vị trí của bị cáo trong vụ án để quyết định hình phạt 04 năm 06 tháng tù về tội “Cướp tài sản”, đây là hình phạt dưới mức khởi điểm do điều luật quy định là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật, tương xứng hành vi bị cáo gây ra. Tại phiên tòa phúc thẩm gia đình bị cáo cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ mới làm căn cứ giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo thấy rằng: Mức hình phạt 04 năm 06 tháng tù do Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng đối với bị cáo là hoàn toàn phù hợp với hành vi do bị cáo thực hiện nên không có căn cứ giảm nhẹ hình phạt được. Do vậy, yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của người đại diện hợp pháp cho bị cáo không được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận.

Xét về kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thị xã P Y; Hội đồng xét xử thấy rằng: Hành vi phạm tội của các bị cáo Nguyễn Văn T và Nguyễn Hữu Th là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác và trật tự an toàn công cộng được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an tại địa phương vì vậy cần xử phạt nghiêm nhằm mục đích giáo dục riêng và phòng ngừa chung, phục vụ tốt nhiệm vụ giữ vững an ninh chính trị tại địa phương. Trong vụ án này các bị cáo Nguyễn Văn T và Nguyễn Hữu Th đã có sự bàn bạc, thống nhất với nhau về việc mang theo dao bầu, dao quắm đi tìm những đôi nam, nữ ngồi tâm sự để cướp tiền của họ tiêu sài cá nhân. Quá trình thực hiện tội phạm Nguyễn Văn T là người trực tiếp thực hiện hành vi cướp tài sản, còn Nguyễn Hữu

Th đi cùng và đứng canh giới cho T và sau khi cướp được tài sản, bị cáo Nguyễn Hữu Th là người quản lý số tiền cướp được dùng để chi tiêu cho cả nhóm. Bị cáo Nguyễn Văn T là người khởi xướng và cùng với bị cáo Nguyễn Hữu Th thực hiện tội phạm tích cực. Các cơ quan tiến hành tố tụng cấp sơ thẩm đã căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội và hung khí dùng vào việc thực hiện tội phạm để khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử các bị cáo Nguyễn Văn T và Nguyễn Hữu Th về tội "Cướp tài sản" theo điểm d khoản 2 Điều 133 Bộ luật Hình sự năm 1999 có khung hình phạt tù từ 07 năm đến 15 năm là đúng pháp luật. Tuy nhiên Tòa án cấp sơ thẩm lại áp dụng điểm h khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999 là "Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng" đối với bị cáo Nguyễn Hữu Th là không đúng quy định của pháp luật.

Xét về mức hình phạt do Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng đối với bị cáo Nguyễn Hữu Th; Hội đồng xét xử thấy rằng: Trong vụ án này, bị cáo Nguyễn Hữu Th giữ vai trò là người thực hiện tội phạm, mặc dù khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo là người chưa thành niên từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi; không có nhiều tình tiết giảm nhẹ được áp dụng theo quy định tại khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999. Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo 02 năm 06 tháng tù (mức hình phạt nhẹ hơn mức thấp nhất quy định tại khoản 1 Điều 133 Bộ luật Hình sự năm 1999) là không đúng pháp luật, không phù hợp và tương xứng với tính chất cũng như mức độ nguy hiểm, hậu quả hành vi do bị cáo gây ra. Do vậy kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thị xã P Y đề nghị tăng hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Hữu Th là có căn cứ, được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, người đại diện hợp pháp cho bị cáo, người bào chữa cho bị cáo và chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phúc Yên là có căn cứ, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về những quan điểm của bị cáo, người đại diện hợp pháp cho bị cáo và Luật sư bào chữa cho bị cáo Nguyễn Hữu Th; Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng:

- Anh Lại Văn M và chị Nguyễn Thị Th chỉ đến Công an phường Đ X, thị xã P Y trình báo việc bị cướp tài sản, không đến Công an thị xã P Y làm việc mà lại có tài liệu thể hiện anh M, chị Th đến Công an trình báo việc bị cướp tài sản là không đúng và vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng. Hội đồng xét xử thấy rằng: Việc anh M, chị Th chỉ đến Công an phường Đ X trình báo việc bị cướp tài sản, không đến Công an thị xã P Y làm việc mà có tài liệu thể hiện ở Công an thị xã P Y không phải là căn cứ việc xác định T và Th có thực hiện hành vi cướp tài sản hay không. Đây là tài liệu do Công an phường Đ X chuyển đến Công an thị xã, là lỗi về hành chính, không phải là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

- Về việc Cơ quan điều tra không tiến hành thực nghiệm điều tra để các bị cáo diễn lại hành vi đã thực hiện là thiếu sót; Hội đồng xét xử thấy rằng: Quá trình điều tra, cơ quan điều tra đã lấy lời khai của các bị cáo, người bị hại, người liên quan, người làm chứng, lập các biên bản đối chất khi có mâu thuẫn, tiến hành thu giữ vật chứng, lập biên bản hiện trường xác minh sự việc đã đủ căn cứ xác định Nguyễn Văn T rủ và cùng Nguyễn Hữu Th thực hiện hành vi cướp tài sản vào tối ngày 06/01/2016. Do vậy thấy không cần thiết phải tiến hành thực nghiệm điều tra để cho các bị cáo T và Th diễn lại hành vi đã thực hiện, vì vậy việc Cơ quan điều tra Công an thị xã P Y không tiến hành thực nghiệm điều tra không phải là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

- Hồ sơ vụ án có sự không thống nhất về thời gian xảy ra sự việc, có sự không phù hợp trong lời khai của các bị cáo, người bị hại, người liên quan, người làm chứng thấy rằng: Việc các lời khai không thống nhất về thời gian, có sự mâu thuẫn đã được điều tra, xác minh làm rõ và lý giải đầy đủ trong hồ sơ vụ án.

- Về thời gian bắt các bị cáo Nguyễn Văn T và Nguyễn Hữu Th thấy rằng: Toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện việc Cơ quan điều tra Công an thị xã P Y bắt giữ các bị cáo Nguyễn Văn T và Nguyễn Hữu Th vào ngày 09/01/2017. Tại phiên tòa các bị cáo, người đại diện hợp pháp cho các bị cáo và người bào chữa cho các bị cáo xác định các bị cáo bị bắt ngày 07/01/2016 nhưng không có tài liệu, chứng cứ gì chứng minh nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Về yêu cầu triệu tập thêm người làm chứng thấy rằng: Quá trình giải quyết vụ án Luật sư bào chữa cho bị cáo Nguyễn Hữu Th đã đề nghị triệu tập thêm người làm chứng đến phiên tòa để xác định Th có thực hiện hành vi phạm tội hay không. Tại phiên tòa ngày 15/6/2017, Hội đồng xét xử đã triệu tập những người làm chứng theo đề nghị của Luật sư và đã được xét hỏi, làm rõ tại phiên tòa. Luật sư bào chữa cho bị cáo, người đại diện hợp pháp cho bị cáo và bị cáo đều đồng ý, không có ý kiến gì. Nay Luật sư bào chữa cho bị cáo, người đại diện hợp pháp cho bị cáo và bị cáo Nguyễn Hữu Th lại đề nghị Tòa án triệu tập thêm nhiều người làm chứng mới đến phiên tòa để làm rõ; Hội đồng xét xử thấy rằng: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án như lời khai của các bị cáo, lời khai của người bị hại, lời khai của người đại diện hợp pháp cho các bị cáo, lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, lời khai của người làm chứng kết hợp với việc xét hỏi, tranh luận công khai tại phiên tòa đã có đủ căn cứ xác định hành vi do Nguyễn Văn T và Nguyễn Hữu Th thực hiện. Do vậy đề nghị triệu tập thêm người làm chứng mới của Luật sư bào chữa cho bị cáo, người đại diện hợp pháp cho bị cáo và bị cáo là không cần thiết nên không được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận.

- Về việc giám định chữ ký, chữ viết của người đại diện hợp pháp cho các bị cáo Nguyễn Văn T và Nguyễn Hữu Th trong các tài liệu do Cơ quan Công an thị xã P Y lập thấy rằng: Người đại diện hợp pháp của các bị cáo, người bào chữa cho các bị cáo, các bị cáo có đề nghị giám định đã được Hội đồng xét xử chấp nhận và đã có Kết luận của phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Vĩnh Phúc. Tại phiên tòa phúc thẩm Luật sư bào chữa cho bị cáo, các bị cáo và người đại diện hợp pháp của bị cáo đề nghị được giám định lại ở cấp cao hơn nhưng không có tài liệu, không có căn cứ nào chứng minh Kết luận giám định của Công an tỉnh Vĩnh Phúc là không khách quan nên không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Về án phí hình sự phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo và người đại diện hợp pháp cho bị cáo phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ vào điểm a, b khoản 2 Điều 248; khoản 3 Điều 249 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2003.

QUYẾT ĐỊNH

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, người đại diện hợp pháp cho bị cáo, người bào chữa cho bị cáo và chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thị xã P Y; sửa Bản án hình sự sơ thẩm số: 84/2016/HSST ngày 28/12/2016 của Tòa án nhân dân thị xã P Y.

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn T và Nguyễn Hữu Th phạm tội “Cướp tài sản”.

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 133, điểm b, g, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 47; Điều 69 và khoản 1 Điều 74 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "Cướp tài sản", thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt 09/01/2016.

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 133, điểm g khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 47, Điều 69 và khoản 1 Điều 74 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu Th 04 (bốn) năm 03 tháng (ba) tù về tội "Cướp tài sản", thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt 09/01/2016.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bị cáo Nguyễn Hữu Th và người đại diện hợp pháp của bị cáo là bà Nguyễn Thị Tr, ông Nguyễn Hữu S phải liên đới chịu 200.000đ án phí hình sự phúc thẩm; Bà Nguyễn Thị Đ là người đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu 200.000đ án phí hình sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Phúc;
- Trại giam Công an tỉnh VP;
- VKSND thị xã P Y;
- TAND thị xã P Y;
- Công an thị xã P Y;
- THA thị xã P Y;
- Các bị cáo;
- Người ĐDHP của bị cáo;
- Người bị hại;
- Lưu hồ sơ, Tòa Hình sự, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Duy Sơn

